

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 24/2023/HSST
Ngày 14/7/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Thành
2. Bà Huỳnh Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2023/TL.ST-HS ngày 26/5/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST – HS ngày 30/6/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 01 tháng 9 năm 2002, tại: thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: không có; nơi cư trú: tổ 4, thôn V, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; cha: không rõ; mẹ: Nguyễn Thị Mỹ L (sinh năm 1982); bị cáo không có anh, chị, em và chưa có vợ. Tiền án: Ngày 16/12/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” chấp hành xong hình phạt ngày 21/01/2022; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/01/2023, chuyển tạm giam ngày 17/01/2023 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1982; nơi cư trú: tổ 4, thôn V, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; là mẹ ruột của bị cáo. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Bích D, Luật sư Công ty Luật TNHH L và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: 127 L, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Bị hại*: Em Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 02/6/2005; nơi cư trú: tổ 33, thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 33, thôn B, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; là cha, mẹ ruột của bị hại. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1) Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm 1991; nơi cư trú: 482 C, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

2) Ông Trương Hoàng L, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ 4, thôn V, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12/01/2023, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh - cam, biển kiểm soát 60B9-010.xx đi từ nhà trọ đến khu vực bờ hồ thuộc xã C, thành phố H để uống trà sữa. Đến khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, H đi về lại nhà trọ. Khi đi trên đường P thuộc phường T, thành phố H, H nhìn thấy em Nguyễn Thị Như N đang ngồi trên xe đạp điện dừng sát đường (mặt hướng ra đường). Lúc này, trên tay phải em N đang cầm 01 điện thoại di động hiệu Samsung A22 màu tím, có ốp lưng bằng nhựa trong có hình gấu ngồi trên ly trà sữa nên H nảy sinh ý định cướp giật tài sản. H liền điều khiển xe mô tô đến trước mặt em N, dùng tay trái giật lấy điện thoại trên tay em N rồi tăng ga bỏ chạy. Sau đó, H mang điện thoại của em N đến tiệm điện thoại Apple Store (địa chỉ: 482 đường C, phường C, thành phố H) bán cho anh Huỳnh Tấn P với giá 1.500.000 đồng, lấy tiền tiêu xài cá nhân. Qua rà soát hệ thống camera an ninh và đối tượng nghi vấn, ngày 14/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H mời Nguyễn Văn H đến làm việc, H đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật tài sản của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-ĐGTS ngày 17/01/2023 của Hội đồng định tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H xác định 01 điện thoại di động Samsung A22 và 01 ốp lưng bằng nhựa trong của em Nguyễn Thị Như N tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 3.005.000 đồng (trong đó, điện thoại trị giá 3.000.000 đồng, ốp lưng trị giá 5.000 đồng).

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 337/KLGĐ ngày 31/3/2023 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền Trung kết luận: trước thời điểm gây án, tại thời điểm gây án, sau thời điểm gây án và thời điểm hiện tại của Nguyễn Văn H như sau:

- Kết luận về y học: rối loạn loạn thần trong rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng chất tác động tâm thần khác (XLR-11), trạng thái hỗn hợp .

- Kết luận về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Tại bản cáo trạng số 20/CT – VKSHA- HS ngày 25/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm b, h, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017*), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 03 (ba) đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử lý như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H trình bày luận cứ: Thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo; không thống nhất truy tố bị cáo “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; bị cáo cướp giật tài sản khi bị hại đang dừng xe trên lề đường nên mức độ gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của bị hại không cao. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo H; ngoài ra hoàn cảnh của bị cáo quá khó khăn, bị cáo không được giáo dục đầy đủ nên đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 12/01/2023 bị cáo điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 60B9-010.xx đi trên đường P, phường T, thành phố H phát hiện em Nguyễn Thị Như N đang ngồi trên xe đạp điện dừng tại vỉa hè đường P, trên tay cầm 01 điện thoại di động hiệu Samsung A22 màu tím. Nguyễn Văn H nảy sinh ý định cướp giật điện thoại nên điều khiển mô tô chạy lại hướng đối diện áp sát Nguyễn Thị Như N, sau

đó bị cáo dùng tay trái giật điện thoại của em N rồi nhanh chóng tẩu thoát. Giá trị tài sản mà Nguyễn Văn H chiếm đoạt trong vụ án này là 3.005.000 đồng. Bị cáo đã dùng xe mô tô để cướp giật tài sản của người khác nên thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, vào năm 2020, Nguyễn Văn H đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý nên thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định hành vi nêu trên của Nguyễn Văn H cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, cáo trạng số 20/CT – VKSHA- HS ngày 25/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức việc cướp giật tài sản của người khác là hành vi vi pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì tham lam, muốn có tiền để sử dụng cho cá nhân nên đã chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi xâm phạm đến tài sản người khác là vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác nơi công cộng và dùng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện phạm tội, tiềm ẩn nguy cơ dễ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại và những người khác đang lưu thông nơi công cộng. Năm 2020, bị cáo đã bị kết án về tội “Cướp giật tài sản”, là loại tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, q, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đối với ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo về việc đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết định khung “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, việc bị cáo dùng xe mô tô để cướp giật tài sản của người khác và nhanh chóng tẩu thoát có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, không kể lúc đó bị hại

đang tham gia giao thông hay đứng yên thì hành vi của bị cáo đều gây nguy hiểm đến tính mạng bị hại và những người khác. Đối với áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử bị cáo một mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo H gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, hơn nữa, hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, nên cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật, đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm chung cho xã hội. Về ý kiến đề nghị xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không được giáo dục đầy đủ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận vì không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, các ý kiến nêu trên của người bào chữa, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A22 màu tím, có ốp lưng bằng nhựa trong có hình gấu ngồi trên ly trà sữa; 01 sim điện thoại Mobiphone, có số thuê bao 0704649xxx; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh cam, biển kiểm soát 60B9-010.xx; 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 60B9-010.xx; 01 áo sơ mi caro ngắn tay màu xanh; 01 mũ bảo hiểm màu đen, phía trên đầu mũ có sọc màu đỏ (là trang phục H mặc trên người khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản); 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu đồng; 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max màu xanh; 01 USB hiệu HP màu trắng, chứa đoạn video có liên quan đến vụ án.

Sau khi điều tra làm rõ, Cơ quan điều tra đã trả cho em Nguyễn Thị Như N 01 điện thoại di động hiệu Samsung A22 màu tím, có ốp lưng bằng nhựa trong có hình gấu ngồi trên ly trà sữa và 01 sim điện thoại Mobiphone, có số thuê bao 0704649xxx; trả lại cho ông Trương Hoàng L 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max màu xanh do không liên quan đến vụ án là có căn cứ.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh cam, biển kiểm soát 60B9-010.xx kèm theo 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 60B9-010.xx, vì đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu đồng, 01 áo sơ mi caro ngắn tay màu xanh và 01 mũ bảo hiểm màu đen, phía trên đầu mũ có sọc màu đỏ; đây là tài sản riêng của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội. Nhưng cần tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 màu đồng để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 USB hiệu HP màu trắng, chứa đoạn video có liên quan đến vụ án, cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[9] Những vấn đề khác có liên quan: Anh Huỳnh Tấn P là người mua điện thoại do bị cáo Nguyễn Văn H chiếm đoạt. Tuy nhiên, anh P không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng: Điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, h, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (*Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017*), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo Nguyễn Văn H bị bắt là ngày 14 tháng 01 năm 2023.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu, hóa giá sung ngân sách Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật 01 xe mô tô nhãn hiệu loại Honda Wave, màu xanh cam, biển kiểm soát 60B9-010.xx, số khung: RRKWCH2U M8XC31207, số máy: VTT36JL 1P52FMH031207 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 60B9-010.xx (xe đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng).

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, màu đồng, số IMEI 353236070481596. (Điện thoại đã qua sử dụng, đã được niêm phong). 01 áo sơ mi ngắn tay caro màu xanh và 01 mũ bảo hiểm màu đen, phía trên đầu mũ có sọc dọc màu đỏ; Nhưng cần tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, màu đồng, số IMEI 353236070481596. (Điện thoại đã qua sử dụng, đã được niêm phong) để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên hiện được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/5/2023).

Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/7/2023). Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Công an thành phố Hội An;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục T.H.A dân sự TP. Hội An;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Nhạn